

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/DS-ST

Ngày 09 – 6 – 2020

“V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại
về tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Tâm

2. Ông Võ Sỹ Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 5, ngày 08,09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 462/2019/TLST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Tuyết H, sinh năm 1952

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Khánh D, trợ giúp trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Ngô Thanh T, sinh năm 1978

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hồ Vũ P, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 12 năm 2019) (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Thanh T, sinh năm 1976

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Ngô Thanh T, sinh 1981

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

3. Ông Trương Thanh T, sinh năm 1977

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt)

4. Chị Trịnh Hồng M, sinh năm 1977

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Lê Tuyết H trình bày: Ngày 19/11/2018 ông Ngô Thanh T cùng với ông Ngô Thanh Tg đi đến phần đất đang tranh chấp với bà tọa lạc tại ấp Lung Dừa, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, phần đất trên bà đang canh tác và xuống giống lúa được 2-3 ngày tuổi. Ông T kéo bao đất đắp bờ (Kinh Năm Ngại) phần đất giáp giữa ông P và phần đất của bà, ông T đã dùng cây vá đào ngang bờ đất của bà và đất của ông Lữ Văn S để nước từ ruộng của ông S chảy xuống ruộng lúa của bà. Khi sự việc xảy ra bà có báo với chính quyền địa phương và công an xã L, thành phố M xuống lập biên bản nên phía ông T có kéo bao đất đắp bờ lại tại phần Kinh Năm Ngại, phần phía 03 đường đào giáp đất ông S ông T không khắc phục đắp lại dẫn đến lúa bà bị ngập nước chết, việc làm trên của ông T đã gây ra thiệt hại cho bà như sau:

Thiệt hại về giống lúa là 3.037.500đ theo kết luận định giá số 27 ngày 19/3/2019; thuốc ốc cá chép phục vụ cho vụ lúa là 10 bịch x 50.000đ/bịch = 500.000đ; thuốc xử lý giống lúa là 10 hộp x 40.000đ/hộp = 400.000đ; dầu cho máy bơm nước phục vụ cho vụ lúa là 55 lít x 22.000đ/lít = 1.100.000đ; công cày xới đất 10 công x 250.000đ/công = 2.500.000đ; công sạ lúa 6 người x 200.000đ/1 ngày = 1.200.000đ; thu nhập bị mất của vụ lúa là 10 công x 2.000.000đ/1 công = 20.000.000đ; tổn thất tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm là 1.490.000đ x 10 tháng = 14.900.000đ. Tổng số tiền theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông T bồi thường là 43.637.500 đồng.

Tuy nhiên, hiện nay tại phiên tòa bà xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông T bồi thường do thu nhập bị mất của vụ lúa là 10 công x 2.000.000đ/1 công = 20.000.000đ và tiền tổn thất tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm là 1.490.000đ x 10 tháng = 14.900.000đ.

Nay bà xác định bà chỉ yêu cầu ông Ngô Thanh T bồi thường cho bà số tiền 8.737.500đ, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác và cũng không đề cập đến trách nhiệm bồi thường của ông T và ông Tg.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Vũ Phong trình bày:

Ngày 19/11/2018 các anh em gồm: ông Ngô Thanh T cùng với ông Ngô Thanh T, ông Ngô Thanh Tg đi đến phần đất đang tranh chấp với bà H do không đồng ý cho bà H tiếp tục canh tác trên phần đất này vì phần đất trên đã được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của gia đình ông, giao phần đất trên cho gia đình bị đơn. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tuyên án, gia đình ông có gửi văn bản đến Ủy ban nhân dân xã L, thành phố M yêu cầu gia đình bà H không được sạ lúa trên phần đất tranh chấp, nhưng Ủy ban nhân dân xã chưa mời giải quyết thì phía bà H đã bơm nước để sạ lúa nên ông T cùng các anh em trong gia đình ông mới đẩy máy dầu đang chạy bơm nước xuống mương và kéo các bao đắp đất để nước tràn vô ruộng, ông có dùng vá đào 03 đường bờ phía đất ông Lữ Văn S. Tuy nhiên, khoảng 30 phút sau Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm và cán bộ ấp Lung Dừa đến lập biên bản yêu cầu gia đình ông T khắc phục trả lại hiện trạng ban đầu. Khi đắp đập, nước chưa tràn vô nhiều chỉ nằm dưới kênh, chưa tràn lên mặt ruộng. Sự việc xảy ra thời điểm đó chưa có bản án phúc thẩm của

Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Thời điểm phá đập là bà H có gieo giống lúa rồi nhưng không có thiệt hại xảy ra.

Do đó, bị đơn chỉ đồng ý bồi thường tiền dầu của máy bơm nước phục vụ cho vụ lúa là $55 \text{ lít} \times 22.000\text{đ/lít} = 1.100.000\text{đ}$. Đối với các yêu cầu khác của bà H bị đơn không đồng ý.

Tại biên bản ghi ý kiến anh Trương Thanh T trình bày: Anh là con ruột của bà Lê Tuyết H. Bà H được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/5/2003 phần đất diện tích 12.960m^2 , tọa lạc tại ấp D, xã L, thành phố M. Đến năm 2017 mẹ anh làm thủ tục tặng cho vợ chồng anh T bộ phần đất trên mục đích để để làm thủ tục vay vốn ngân hàng từ bà H, do bà H tuổi cao không thể đứng ra thế chấp vay tiền. Mặc dù đã làm thủ tục tặng cho về mặt pháp lý nhưng mẹ anh là người trực tiếp quản lý, canh tác và sử dụng phần đất trên từ năm 2003 đến nay.

Đối với yêu cầu của mẹ anh buộc ông T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền bị thiệt hại là 43.637.500đ anh không có ý kiến gì. Bởi vì, mẹ anh là người trực tiếp canh tác phần đất nói trên và ông T đã gây ra thiệt hại tài sản trực tiếp cho mẹ anh là bà Lê Tuyết H. Đồng thời hoa lợi, lợi tức trên phần đất là tài sản của bà H, vợ chồng anh không có quyền và nghĩa vụ gì. Anh xác định anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H có toàn quyền quyết định đối với việc yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại. Anh không có bất kỳ yêu cầu gì trong vụ án này.

Anh yêu cầu tòa án không tổ chức hòa giải lại vụ án. Do anh bận công việc nên anh yêu cầu vắng mặt trong T bộ quá trình tố tụng, yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt anh trong tất cả các phiên tòa xét xử.

Chị Trịnh Hồng M trình bày: Chị hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chồng chị là anh Trương Thanh T, không bổ sung gì thêm. Chị yêu cầu tòa án không tổ chức hòa giải lại vụ án. Do chị bận công việc làm ăn nên chị yêu cầu vắng mặt trong T bộ quá trình tố tụng, yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt chị trong tất cả các phiên tòa xét xử.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thanh T và ông Ngô Thanh Tg đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Tg báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng ông T, ông Tg vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến:

Nguyên đơn hiện nay yêu cầu bị đơn bồi thường các khoản gồm: Thiệt hại về giống lúa là 3.037.500đ theo kết luận định giá số 27 ngày 19/3/2019; thuốc óc cá chép phục vụ cho vụ lúa là 10 bịch $\times 50.000\text{đ/bịch} = 500.000\text{đ}$ (có hóa đơn bán lẻ); thuốc xử lý giống lúa là 10 hộp $\times 40.000\text{đ/hộp} = 400.000\text{đ}$ (có hóa đơn xác nhận); dầu cho máy bơm nước phục vụ cho vụ lúa là 55 lít $\times 22.000\text{đ/lít} = 1.100.000\text{đ}$; công cày xới đất 10 công $\times 250.000\text{đ/công} = 2.500.000\text{đ}$ (có đơn xác nhận của người được bà H thuê cày xới đất); tiền nhân công sạ lúa 6 người $\times 200.000\text{đ/1 ngày} = 1.200.000\text{đ}$ (có đơn xác nhận thuê 6 nhân công sạ lúa) là hoàn T phù hợp và có căn cứ bởi thiệt hại thực tế của nguyên đơn là có xảy ra là 10 công lúa gieo xạ 2-3 ngày tuổi bị ngập nước chết. Nguyên nhân nước ngập là có hành vi của ông Ngô Thanh T dùng vá đào 03 đường bờ từ bờ của ông S sang phần đất bà H canh tác nhưng không

đắp bờ lại dẫn đến nước ngập làm lúa bà H chết. Lỗi hành vi của ông T là nguyên nhân gây thiệt hại tài sản cho bà H nên mong Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 584, 589, 590 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường tổng cộng 8.737.500đ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ tranh chấp được xác định là bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cụ thể là bồi thường thiệt hại về tài sản, theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Xét về nội dung, Bà H có yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại số tiền 8.737.500đ. Xét thấy, ông T thực tế có dùng vá đào bờ cho nước tràn vào ruộng lúa nên ông T cũng có một phần lỗi, nhưng việc lúa chết chưa xác định cụ thể nguyên nhân và có một phần lỗi của bà H do biết có 03 đường đào nếu không khắc phục thì nước sẽ ngập ruộng lúa nhưng để mặc hậu quả xảy ra. Nên căn cứ vào các Điều 584, 589, 590 Bộ luật dân sự đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với tỷ lệ lỗi 5:5 buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn cụ thể: $\frac{1}{2}$ của (thiệt hại giống lúa 3.037.500đ; thuốc óc cá chép là 10 bịch x 50.000đ/bịch = 500.000đ; thuốc xử lý giống lúa là 10 hộp x 40.000đ/hộp = 400.000đ; công cày xới đất 10 công x 250.000đ/công = 2.500.000đ; công sạ lúa 6 người x 200.000đ/1 ngày = 1.200.000đ) số tiền là 3.818.750 đồng, dầu cho máy bơm nước phục vụ cho vụ lúa là 55 lít x 22.000đ/lít = 1.100.000đ, bị đơn tự nguyện bồi thường nên tổng số tiền buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn là 4.918.750 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cụ thể là bồi thường thiệt hại về tài sản, phần tài sản trên đất và bị đơn có nơi cư trú tại xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau nên theo quy định tại khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Về thủ tục tố tụng: Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Ngô Thanh T, ông Ngô Thanh Tg, Tòa án tổng đạt hợp lệ Tg báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng ông T, ông Tg vắng mặt không có lý do, đối với anh Trương Thanh T và chị Trịnh Hồng M có ý kiến xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nói trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng ngày 19/11/2018 ông Ngô Thanh T đã dùng cây vá đào 03 đường đào tại phần bờ đất ông Lữ Văn S giáp đất nguyên đơn đang canh tác làm nước tràn vào ruộng lúa bà đã sạ 2-3 ngày tuổi. Hành vi của ông T đã làm cho 10 công lúa đã sạ chết do ngập nước, gây thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 8.737.500đ, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T có trách nhiệm bồi thường số tiền này. Ông Ngô Thanh T thì cho rằng do phần đất đang tranh chấp nên không đồng ý cho gia đình bà H canh tác, nhưng bà H vẫn sạ lúa. Do đó, ông T có đẩy máy bơm nước và kéo các bao đắp bờ đất, ông có

dùng vớ đào 03 đường đào ngang bờ ruộng ông Lữ Văn S giáp đất bà H làm nước tràn vô ruộng bà H nhưng chỉ 30 phút sau khi công an xã lập biên bản nên đã đắp lại nên không gây thiệt hại. Nên nay ông chỉ đồng ý bồi thường tiền dầu cho máy bơm nước phục vụ cho vụ lúa là $55 \text{ lít} \times 22.000\text{đ/lít} = 1.100.000\text{đ}$. Đối với các yêu cầu khác của bà H bị đơn không đồng ý.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H thấy rằng: Tại phiên tòa và tại biên bản ghi lời khai ngày 18/12/2018 ông T, người đại diện của ông T cũng thừa nhận ông T đã có hành vi “dùng cây vớ đào 03 đường trên bờ ruộng giữa phần đất bà H với phần đất ông S để nước chảy vào ruộng bà H, mục đích không để cho bà H canh tác sản xuất”. Tại thời điểm đó bà H đã xạ lúa 2-3 ngày. Khi sự việc xảy ra Công an xã Lý Văn Lâm có lập biên bản thể hiện việc ông T có khai đường bờ làm nước ngập vào ruộng bà H (tại các biên bản xác minh bl 64, 65). Tuy nhiên, sau khi bị nước tràn vô ruộng ông T cũng đã có đắp bờ lại theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, sau khi đắp lại lúa không bị ngập. Tuy ông T có khắc phục là đắp phần bờ ở kinh Năm Ngại nhưng 03 đường đào tại phần đất ông S ông T không khắc phục. Điều đó thể hiện tại biên bản ghi ý kiến ông Lữ Duy Linh (con ruột ông Lữ Văn S) BL57, 58 người trực tiếp canh tác phần đất ông S là sau khi sự việc xảy ra ông T không có đắp lại 03 đường đào này đến mấy ngày sau khi ông gieo giống lúa ông mới đắp lại. Điều đó chứng tỏ có hành vi có lỗi của ông T gây ra, và thực tế hậu quả có xảy ra là 10 công lúa xạ được 2-3 ngày tuổi của bà H bị chết. Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2018 Công an xã Lý Văn Lâm xác định nước ngập làm thiệt hại lúa hoàn T. Tuy nhiên, chưa có cơ quan chuyên môn nào xác định được nguyên nhân lúa chết, đồng thời không xác định được nước ngập là do không bơm nước thường xuyên dẫn đến nước xung quanh tự tràn vào ruộng gây thiệt hại hay do ông T gây ra. Do đó cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau không khởi tố vụ án hình sự. Mặc khác bà H cũng xác định là việc ông T đào 3 đường đào gây nước tràn từ phía đất ông S qua nhưng ông T không khắc phục đắp bờ, phía bà H biết rõ hậu quả là 2-3 ngày sau nước sẽ ngập gây thiệt hại là lúa chết nhưng bà không tự khắc phục đắp bờ, và không bơm nước để mặc hậu quả xảy ra, cho nên bà H cũng có một phần lỗi.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên đối với thiệt hại của bà H là thực tế có xảy ra và nguyên nhân chính là lỗi của bị đơn cho nên bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường một phần thiệt hại cho bà H là có cơ sở. Tuy nhiên, nguyên đơn cũng có một phần lỗi, nguyên nhân khách quan khác nên bị đơn chỉ phải bồi thường theo tỷ lệ lỗi 7:3 (bị đơn 7, nguyên đơn 3). Buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền cụ thể:

Thiệt hại về giống lúa là 3.037.500đ theo kết luận định giá số 27 ngày 19/3/2019; công xạ lúa 6 người $\times$ 200.000đ/1 ngày = 1.200.000đồng; tiền thuốc ốc cá chép phục vụ cho vụ lúa là 10 bịch $\times$ 50.000đ/bịch = 500.000đ; thuốc xử lý giống lúa là 10 hộp $\times$ 40.000đ/hộp = 400.000đ; công cày xới đất 10 công $\times$ 250.000đ/công = 2.500.000đ. Tổng số tiền 6.637.500 đồng, theo tỷ lệ lỗi bị đơn phải bồi thường tương ứng số tiền 5.346.250 đồng. Đối với tiền dầu bơm nước bị đơn đồng ý bồi thường 1.100.000 đồng, xét đây là sự tự nguyện của bị đơn nên ghi nhận.

Vì vậy, tổng cộng số tiền theo yêu cầu của bà H buộc bị đơn bồi thường được chấp nhận là 6.446.250 đồng. Phần không được chấp nhận số tiền là 2.291.250 đồng.

[3] Đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường do thu nhập bị mất của vụ lúa là 10 công $\times$ 2.000.000đ/1 công = 20.000.000đ và bồi thường

tồn thất tinh thần số tiền là 1.490.000đ x 10 tháng = 14.900.000đ. Xét, Do nguyên đơn rút đơn đối với một phần yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H theo quy định là phù hợp.

[4] Đối với ông Ngô Thanh T, và ông Ngô Thanh Tg bà H xác định có kéo bao đắp bờ phía Kinh Năm Ngại gây tràn nước vào ruộng nhưng sau đó đã khắc phục đắp bờ lại nên hiện bà không yêu cầu ông T, ông Tg có trách nhiệm liên đới với ông T bồi thường thiệt hại nói trên, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến trách nhiệm của ông T, Tg.

[5] Đối với anh T chị Mơ mặc dù là người được bà H tặng cho phần đất có tài sản trên đất bị thiệt hại nêu trên, tuy nhiên, anh T, chị Mơ đều khẳng định giao phần đất trên cho bà H canh tác, hưởng hoa lợi nên thiệt hại tài sản là tài sản của bà H, anh chị không có quyền lợi gì đối với phần tài sản bị thiệt hại nên Hội đồng xét xử chỉ buộc bị đơn bồi thường thiệt hại cho bà H là phù hợp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông T phải nộp. Bà H không phải nộp án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận do bà H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 584, 589, 590 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Tuyết H

Buộc ông Ngô Thanh T bồi thường thiệt hại cho bà Lê Tuyết H số tiền 6.446.250 đồng (*sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

Kể từ ngày bà Lê Tuyết H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Ngô Thanh T không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà H khởi kiện ông T bồi thường thiệt hại với số tiền chênh lệch là 2.291.250 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông T bồi thường số tiền 34.900.000 đồng

Án phí dân sự sơ thẩm: ông Ngô Thanh T phải nộp số tiền là 322.000 đồng (chưa nộp). Bà H không phải nộp, bà H đã được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Kim Cương